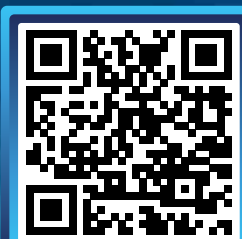


**THACO
INDUSTRIES**

CÔNG TY SẢN XUẤT MÁY LẠNH THACO

AIR CONDITIONER MANUFACTURING COMPANY



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT MÁY LẠNH THACO
THACO AIR CONDITIONER MANUFACTURING CO., LTD

📍 Thaco Chu Lai IZ, Nui Thanh Dist., Quang Nam Province, Vietnam

☎ (+84) 2353 871 248 ✉ partsales@thaco.com.vn

www.thacoindustries.com



NỘI DUNG CONTENT

GIỚI THIỆU | INTRODUCTION

SẢN PHẨM MÁY LẠNH | AIR CONDITIONING PRODUCT

KẾT DÀN NÓNG & KẾT NƯỚC | CONDENSER & RADIATOR

- CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT | PRODUCTION TECHNOLOGY
- SẢN PHẨM | PRODUCTS

ỐNG GAS | HOSE & PIPE

- CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT | PRODUCTION TECHNOLOGY
- SẢN PHẨM | PRODUCTS

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU | R&D ACTIVITY

CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG | CERTIFICATES

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU & KHÁCH HÀNG | EXPORT MARKETS & CUSTOMERS

GIỚI THIỆU CÔNG TY INTRODUCTION

Công ty Sản xuất Máy lạnh THACO là công ty thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Trường Hải – THACO INDUSTRIES, chuyên sản xuất và cung ứng các loại linh kiện máy lạnh xe tải, xe bus, xe du lịch: kết dàn nóng, kết nước, ống gas.

Nhận chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật từ Hàn Quốc, nhà máy sở hữu hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín từ đầu vào đến đầu ra, kiểm soát chất lượng chặt chẽ trên từng công đoạn, giúp hạn chế lỗi sai và đảm bảo độ hoàn thiện sản phẩm tối đa.

Công ty đã sản xuất và cung cấp kết dàn nóng phục vụ thị trường sau bán hàng. Sản phẩm được sử dụng cho hơn 30 hãng xe nổi tiếng đồng thời xuất khẩu sang nhiều nước như: Ý, Ba Lan, Hàn Quốc,...

THACO Air Conditioner Manufacturing Company is a Truong Hai Industries Group - THACO INDUSTRIES subsidiary, specializing in manufacturing and supplying all kinds of air-conditioner components for trucks, buses, and passenger cars (condensers, radiators, hoses and pipes).

Receiving technology transfer and technical support from Korea, the company owns advanced, closed production lines from input to output, with strict quality control at each stage, helping to limit errors and ensure maximum product perfection.

The company has supplied condensers for the aftermarket. Products are used by more than 30 famous car brands and exported to markets such as Italy, Poland, Korea,...



SẢN PHẨM MÁY LẠNH

AIR CONDITIONING PRODUCT



MÁY LẠNH XE FUSO CANTER (4.99/6.5)
FUSO CANTER AIR CONDITIONER (4.99/6.5)



MÁY LẠNH XE KIA NEW FRONTIER K200/K250
KIA NEW FRONTIER K200/K250 AIR CONDITIONER

SẢN PHẨM MÁY LẠNH
AIR CONDITIONING PRODUCT



MÁY LẠNH DS-58
AIR CONDITIONER DS-58

Công suất: 24.000 Kcal/h
Capacity: 24.000 Kcal/h



MÁY LẠNH DI-150
AIR CONDITIONER DI-150

Công suất: 15.000 Kcal/h
Capacity: 15.000 Kcal/h



MÁY LẠNH DSI-280
AIR CONDITIONER DSI-280

Công suất: 28.000 Kcal/h
Capacity: 28.000 Kcal/h



MÁY LẠNH DWS-300
AIR CONDITIONER DWS-300

Công suất: 30.000 Kcal/h
Capacity: 30.000 Kcal/h



MÁY LẠNH DS-38
AIR CONDITIONER DS-38

Công suất: 20.000 Kcal/h
Capacity: 20.000 Kcal/h

KẾT DÀN NÓNG & KẾT NƯỚC CONDENSER & RADIATOR

- ◆ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT | PRODUCTION TECHNOLOGY
- ◆ SẢN PHẨM | PRODUCTS





DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT PRODUCTION LINE

- Diện tích: 1.200m²
Area: 1,200m²
- Sản phẩm: Két dàn nóng, két nước
Products: Condenser, Radiator
- Công suất: 400 bộ két dàn nóng / 8 giờ
300 bộ két nước / 8 giờ
Capacity: 400 sets of condenser / 8 hours
300 sets of radiator / 8 hours



THIẾT BỊ GIA CÔNG LÁ NHÔM FIN MILL MACHINE

- Tốc độ đầu vào: Tối đa 300m/phút
Strip input speed: Max 300 m/min
- Số lần cắt: Tối đa 80 lần/phút
Cut-off rate: Max 80 cuts/min
- Độ dày lá nhôm: 0,06 ~ 0,2 mm
Fin thickness: 0.06 ~ 0.2 mm



THIẾT BỊ LẮP RÁP ĐỊNH VỊ CORE BUILDER MACHINE

Kích thước tiêu chuẩn của két dàn nóng
Standard applied core size

- Chiều dài: 400 ~ 750mm
Length: 400 ~ 750mm
- Chiều rộng: 200 ~ 600mm
Width: 200 ~ 600mm
- Chiều cao: 10,8mm, 12mm 16mm & 17mm
Height: 10.8mm, 12mm, 16mm & 17mm

THIẾT BỊ HÀN GIA NHIỆT NB BRAZING FURNACE MACHINE

- Số buồng đốt: 04
Brazing zone: 04
- Tốc độ băng chuyển: 0 ~ 600mm/phút
Conveyor speed: 0 ~ 600 mm/min
- Nhiệt độ buồng đốt: Tối đa 650°C
Brazing furnace temperature: Max 650°C
- Công suất: 60 sản phẩm/giờ
Capacity: 60 products/hour



THIẾT BỊ LẮP RÁP ĐỊNH VỊ CORE BUILDER MACHINE

Kích thước tiêu chuẩn của két dàn nóng
Standard applied core size

- Chiều dài: 600 ~ 1900 mm
Length: 600 ~ 1900 mm
- Chiều rộng: 300 ~ 700mm
Width: 300 ~ 700mm
- Chiều cao: 26 mm
Height: 26 mm





DÂY CHUYỂN SẢN XUẤT PRODUCTION LINE

Với dây chuyền công nghệ hiện đại và quy trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ trên từng thông số, các sản phẩm linh kiện máy lạnh được đảm bảo chất lượng đồng bộ và độ hoàn thiện tuyệt đối.

Modern technological lines and strictly controlled production processes guarantee air conditioner components with synchronous quality and absolute perfection.



THIẾT BỊ LẮP RÁP KẾT NƯỚC
PLASTIC TANK CRIMPING MACHINE

- Áp suất thủy lực: 140 kg/cm²
Hydraulic pressure: 140 kg/cm²
- Chiều rộng tối đa: 850mm
Max width: 850mm
- Chiều cao tối đa: 1.200mm
Max Height: 1,200mm



THIẾT BỊ KIỂM TRA RÒ RỈ
LEAK TESTING MACHINE

- Kích thước sản phẩm: 300 ~ 2.000mm
Product dimension: 300 ~ 2,000mm
- Áp suất thử: 35 ~ 40 Kg/cm³
Test pressure: 35 ~ 40 Kg/cm³
- Loại khí thử: Khí Nitơ
Type of test gas: Nitrogen



THIẾT BỊ KIỂM TRA RÒ RỈ KHÍ HELI
HELIUM LEAK TESTING MACHINE

- Phương pháp kiểm tra:
Phát hiện và ghi nhận rò rỉ chân không
Test method: Vacuum leak detection
- Tốc độ bơm Heli: 2,5 l/s
Helium pump speed: 2.5 l/s



LÒ SẤY
DRY OVEN

- Kích thước sản phẩm:
300 ~ 2.000mm
Size product: 300 ~ 2,000mm
- Nhiệt độ sấy: 0~200°C
Drying temperature: 0~200°C

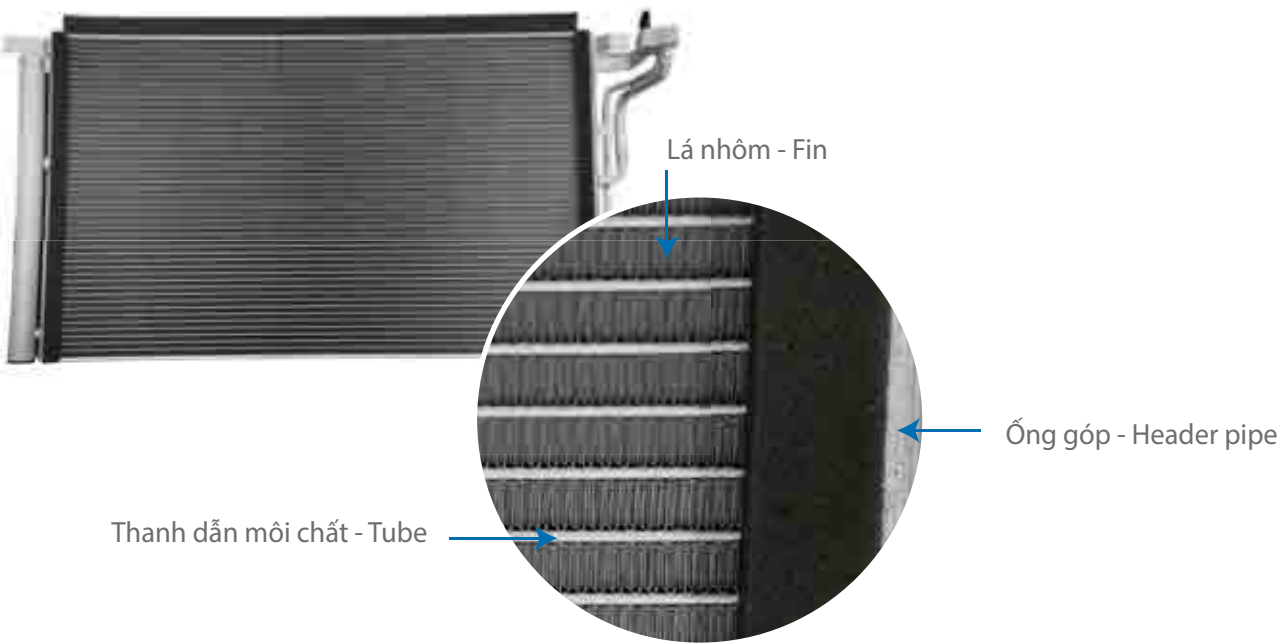


THIẾT BỊ ĐÓNG GÓI
PACKAGING MACHINE

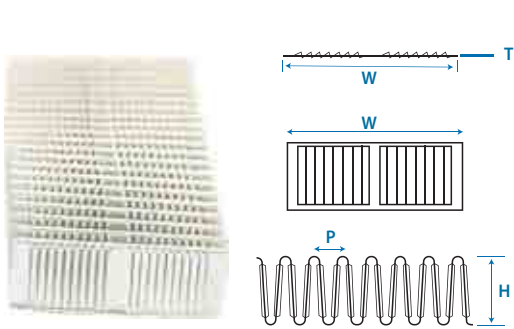
- Kích thước tiêu chuẩn
của dàn nóng
Standard applied core size
- Chiều rộng: 200 ~ 1.000mm
Width: 200 ~ 1,000mm

SẢN PHẨM KẾT DÀN NÓNG | CONDENSER PRODUCTS

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | SPECIFICATIONS



THÔNG SỐ LÁ NHÔM
SPECIFICATIONS OF FIN



Chiều rộng - Width (W) Bước sóng - Pitch (P)
Chiều dày - Thickness (T) Chiều cao - Height (H)

THÔNG SỐ ỐNG DẪN MÔI CHẤT
SPECIFICATIONS OF TUBE



Chiều dày - Thickness
Kênh dẫn môi chất - Tube channels

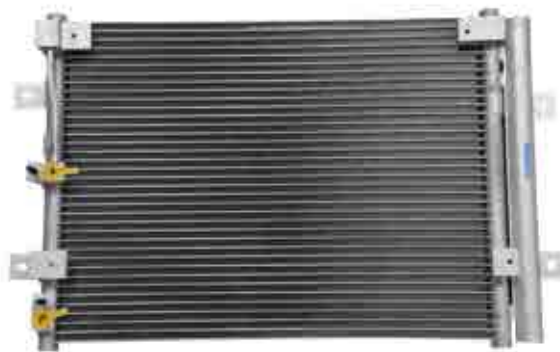


THÔNG SỐ KỸ THUẬT | SPECIFICATIONS

STT NO.	Thông số - Specifications	Loại A Type A	Loại B Type B	Loại C Type C	Loại D Type D
1	Chiều dày kết dàn nóng Condenser thickness (mm)	26	17	16	12
2	Đường kính ngoài ống góp Diameter header (mm)	34	22/20	20	16
3	Chiều dày ống dẫn môi chất Tube thickness (mm)	2.0	1.9	1.4	1.4
4	Chiều cao lá nhôm Fin height (mm)	8.75	8.25	6.62	6.62
5	Bước sóng lá nhôm Fin pitch (mm)	2.8	3.0	2.2	2.2
6	Số kênh dẫn môi chất Tube channels	14	7	11	11
7	Chiều dày lá nhôm Fin thickness (mm)	0.08	0.08	0.07	0.08/0.07

SẢN PHẨM KẾT DÀN NÓNG | CONDENSER PRODUCTS

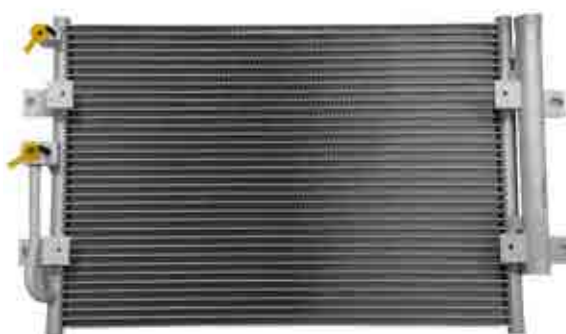
KẾT DÀN NÓNG MÁY LẠNH XE TẢI | TRUCK CONDENSER



Kia New Frontier K200/K250



Kia Bongo III 1.4 Tấn (Tons)



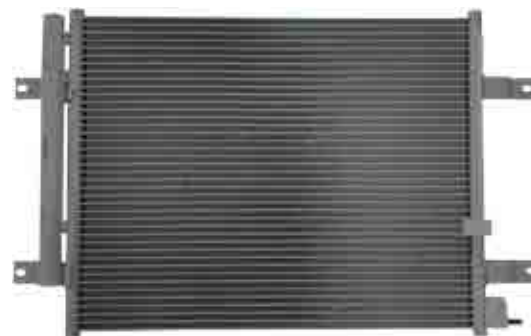
Hyundai Porter II



Fuso Canter 4.9



Fuso Canter 6.5



Hyundai HD1000

KẾT DÀN NÓNG MÁY LẠNH XE BUS | BUS CONDENSER



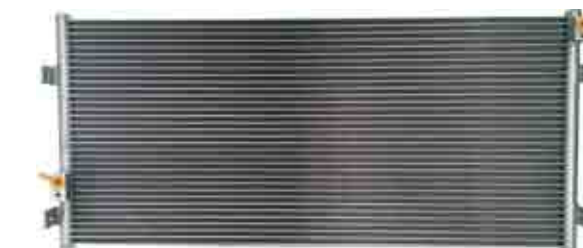
THACO GARDEN 79CT



EVERGREEN 87S



THACO BLUE SKY TB120S



HYUNDAI COUNTY



THACO UNIVERSE TB120S



MERCEDES-BENZ MB120S

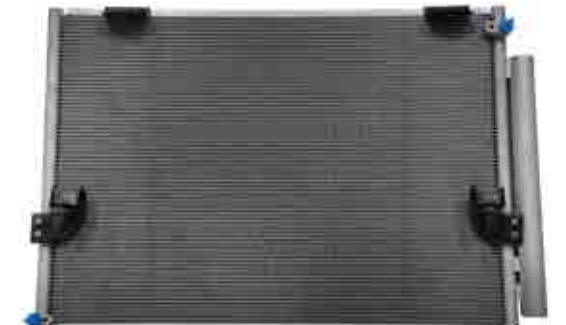


SẢN PHẨM KẾT DÀN NÓNG | CONDENSER PRODUCTS

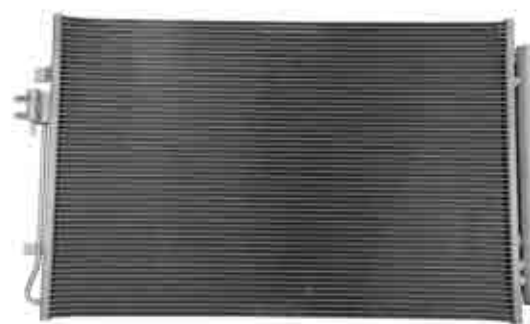
KẾT DÀN NÓNG MÁY LẠNH XE DU LỊCH | PASSENGER CAR CONDENSER



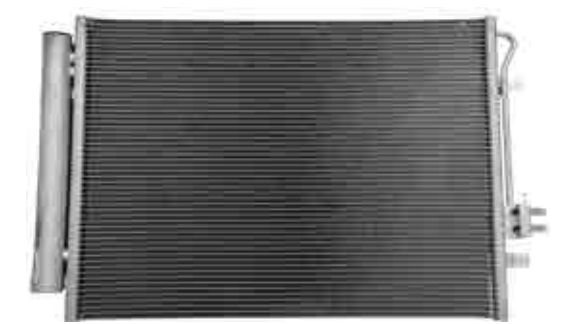
Kia K3



Toyota Innova



Kia Sorento (Gas)

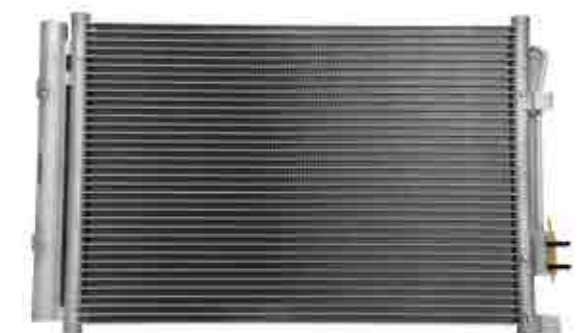


Kia Sorento (Diesel)

KẾT DÀN NÓNG CỦA CÁC THƯƠNG HIỆU | CONDENSER OF BRANDS



MERCEDES BENZ 2010

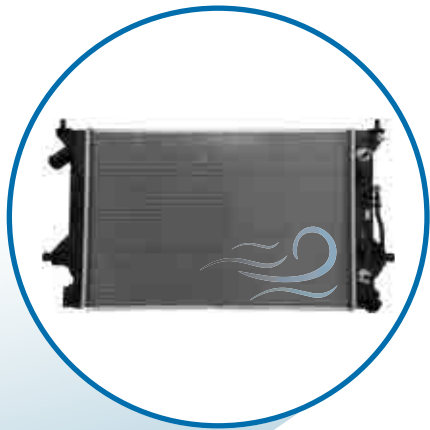


Huyndai GRAND I-10 2014

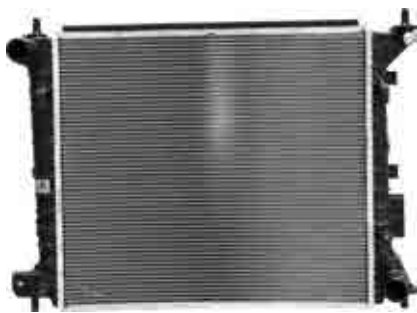
SẢN PHẨM KẾT NƯỚC | RADIATOR PRODUCTS

Công ty chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cấp dây chuyền tự động hóa nhằm kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất mang đến sản phẩm chất lượng ưu việt và đáp ứng mọi tiêu chuẩn khắt khe của khách hàng.

The company emphasizes investing in technology innovation, upgrading automation lines to strictly control the production process, bringing high-quality products and meeting customers' strict standards.



Kia K3



Kia Seltos

THÔNG SỐ KỸ THUẬT | SPECIFICATIONS

Lá nhôm - Fin

Thanh dẫn môi chất - Tube

Bình chứa môi chất Tank Ass'y Radiator

THÔNG SỐ LÁ NHÔM
SPECIFICATIONS OF FIN

Chiều rộng - Width (W)

Chiều dày - Thickness (T)

Bước sóng - Pitch (P)

Chiều cao - Height (H)

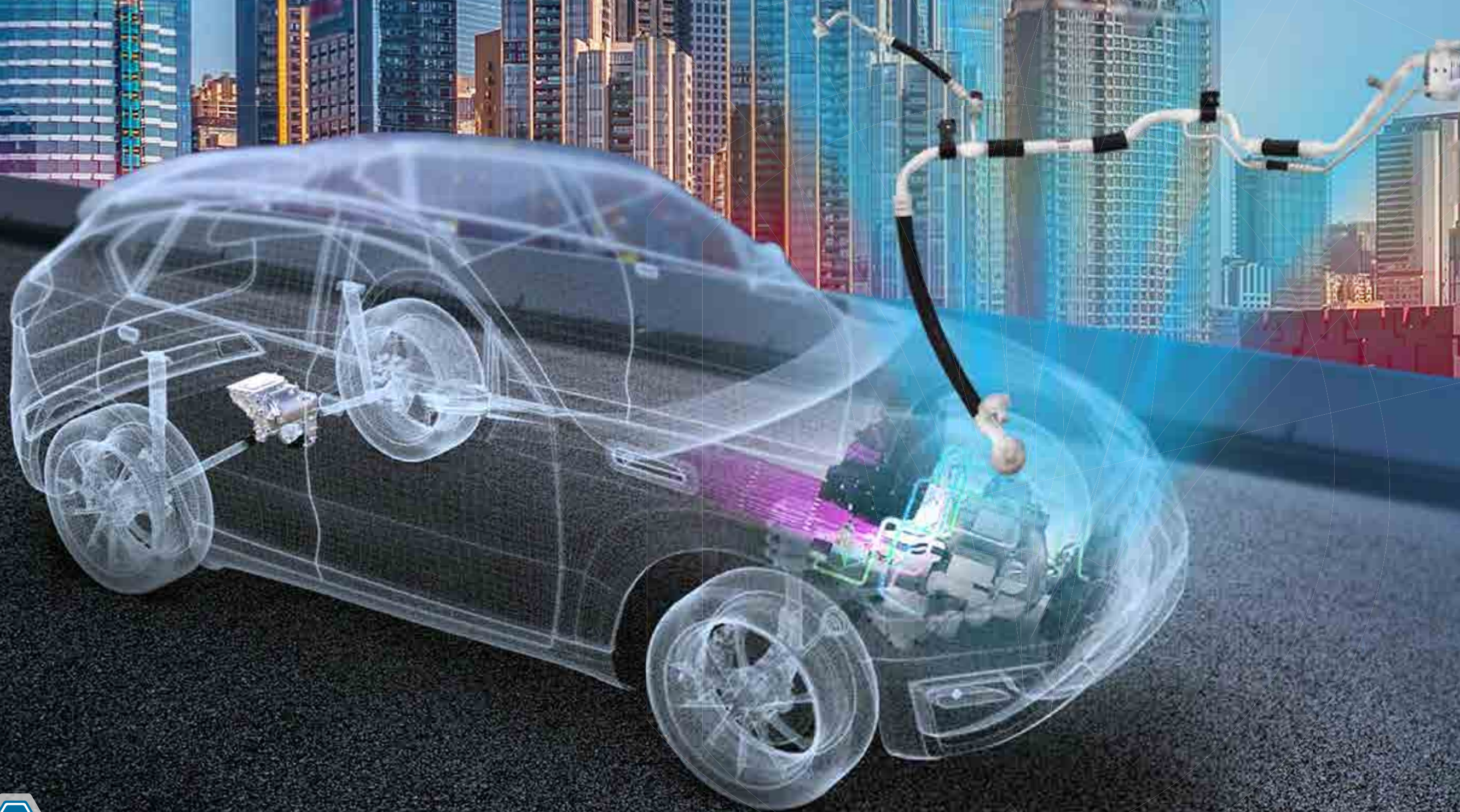
THÔNG SỐ ỐNG DẪN MÔI CHẤT
SPECIFICATIONS OF TUBE

Chiều dày - Thickness

Kênh dẫn môi chất - Tube channels

Stt	Thông số - Specifications	Loại A -Type A	Loại B -Type B	Loại C -Type C
1	Chiều rộng lá nhôm (mm) Fin width (mm)	16	12	10.8
2	Chiều dày ống dẫn môi chất (mm) Tube thickness (mm)	1.7	1.7	1.7
3	Chiều cao lá nhôm (mm) Fin height (mm)	6.62	6.62	5.5
4	Bước sóng lá nhôm (mm) Fin pitch (mm)	2.5	2.5	2.5
5	Số kênh dẫn môi chất Tube channels	1	1	1
6	Chiều dày lá nhôm (mm) Fin thickness (mm)	0.06	0.06	0.06

SẢN PHẨM ỐNG GAS
HOSE & PIPE PRODUCTS





DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT PRODUCTION LINE

- Diện tích: 500m²
Area: 500m²
- Sản phẩm: Ống gas
Products: Hose & pipe
- Công suất: 120 bộ/8 giờ
Capacity: 120 sets/8 hours



MÁY UỐN ỐNG CNC CNC BENDING MACHINE

- Kích thước tiêu chuẩn của ống gas: Ø9÷Ø22,6mm
Standard applied pipe size: Ø9÷Ø22.6mm
- Bán kính uốn tối đa: R15÷R60
Maximum bending radius: R15÷R60
- Chiều dài ống tối đa: 1.800mm
Maximum pipe length: 1,800mm
- Phạm vi uốn: 0 ÷ 180°
Bending range: 0 ÷ 180°



MÁY ĐỘT LỖ
HOLE PUNCHING MACHINE



MÁY QUÉT KEO
BONDING MACHINE

MÁY TẠO BIÊN DẠNG ĐẦU ỐNG FORMING MACHINE

- Kích thước tiêu chuẩn của ống gas: Ø9; Ø12; Ø15,88; Ø19mm
Standard applied pipe size: Ø9; Ø12; Ø15.88; Ø19mm
- Phương pháp định hình: Nằm ngang
Forming method: Horizontal
- Áp suất thủy lực: 140 kg/cm²
Hydraulic pressure: 140 kg/cm²
- Áp suất: 4-5 kg/cm²
Air pressure: 4-5 kg/cm²



MÁY HÀN TỰ ĐỘNG
ALUMINIUM TUBE BRAZING MACHINE



MÁY BẮM ỐNG SU
HOSE CRIMPING MACHINE

SẢN PHẨM ỐNG GAS | HOSE & PIPE PRODUCTS

ỐNG GAS XE TẢI | TRUCK HOSE & PIPE



ỐNG GAS XE DU LỊCH | PASSENGER CAR HOSE & PIPE



ỐNG GAS XE BUS | BUS HOSE & PIPE

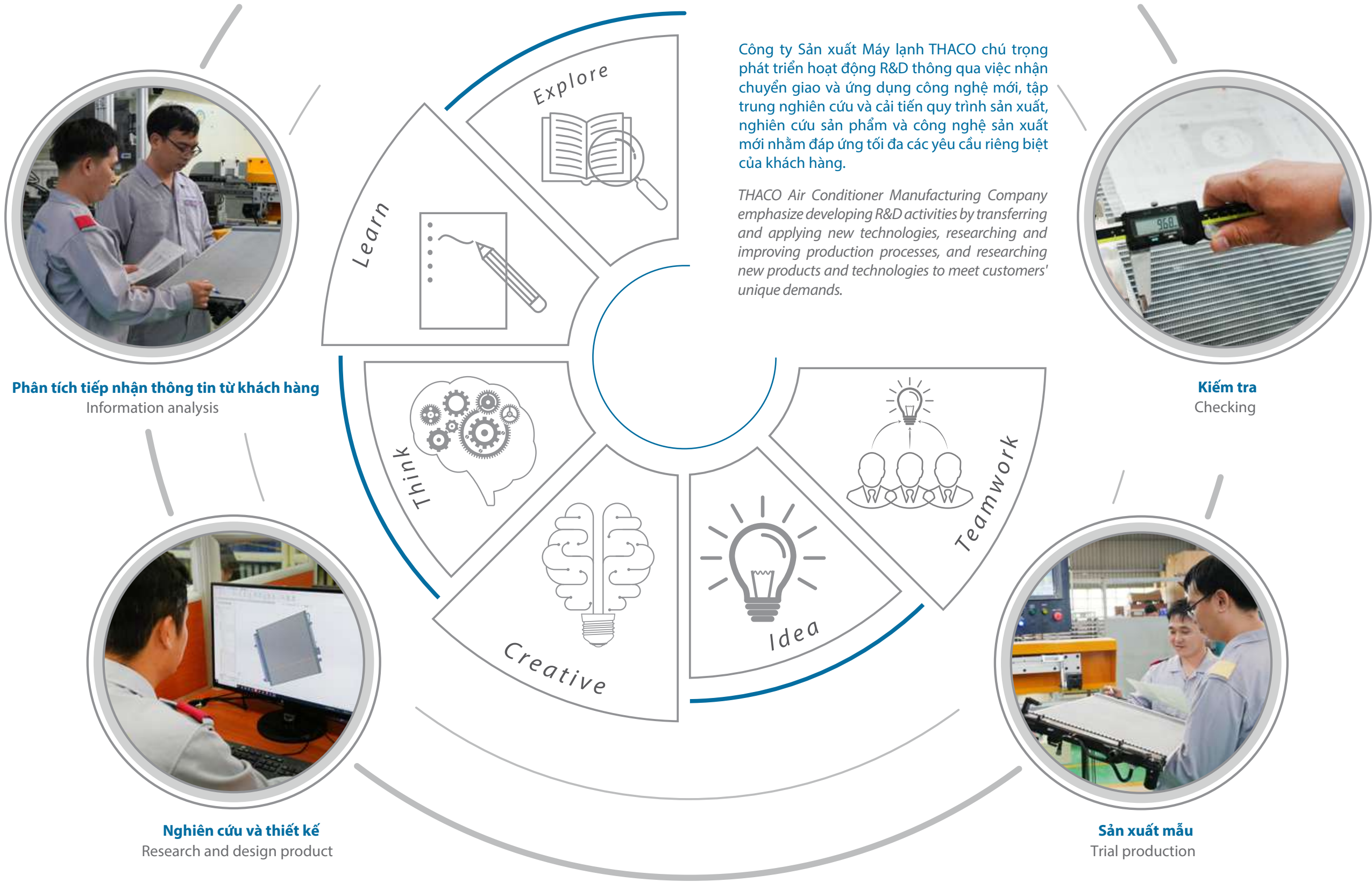


THACO MOBIHOME TB120SL THACO GARDEN 79CT THACO MEDOW TB85 MERCEDES BENZ

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA ỐNG GAS | SPECIFICATIONS OF THE HOSE & PIPE

Thông số - Specifications	Loại A Type A	Loại B Type B	Loại C Type C	Loại D Type D	Loại E Type E
Đường kính ống (mm) Pipe diameter (mm)	Ø22.6	Ø19.05	Ø15.88	Ø12	Ø9
Chiều dày ống (mm) Pipe thickness (mm)	2.0	2.0/1.6	1.6	1.6	1.6
Bán kính uốn (mm) Bending radius (mm)	R20÷R60	R20÷R60	R20÷R60	R15÷R30	R15÷R30

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU
R&D ACTIVITY



CHỨNG NHẬN CERTIFICATES



Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015
Quality management system (ISO 9001:2015)



Hệ thống quản lý chất lượng (IATF16949:2016)
Quality management system (IATF16949:2016)

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU EXPORT MARKETS



KHÁCH HÀNG CUSTOMERS

KHÁCH HÀNG TRONG NƯỚC | DOMESTIC CUSTOMERS



KHÁCH HÀNG XUẤT KHẨU | EXPORT CUSTOMERS

